

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 57/2017/HSST
Ngày 17-11-2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tùng Lâm.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Hạnh

2. Ông Đoàn Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 17/11/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 59/2017/HSST ngày 27/10/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2017/QĐXX-HS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2017 đối với các bị cáo:

1/Họ và tên: **TRẦN VĂN Đ** - sinh năm 1997 tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi ĐKHHTT và chỗ ở trước khi bị bắt tạm giam: Thôn X, xã Phú L, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Kinh; con ông Trần L (đã chết); và bà Đỗ Thị Ngọc A; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 29/7/2017; hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thị xã B - Có mặt tại phiên tòa.

2/Họ và tên: **NGUYỄN VĂN T** (tên gọi khác: C) - sinh năm 1997 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi ĐKHHTT và chỗ ở trước khi bị bắt tạm giam: Thôn Y, xã Phú L, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Đ và bà Trương Thị L; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H; có 01 con sinh năm 2016; tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 29/7/2017; hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thị xã B - Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Chị Nguyễn Phan Minh U, sinh ngày 20/3/2000; trú tại: 25 đường P, tổ dân phố Z, phường An L, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- **Người đại diện hợp pháp của người bị hại:** Bà Phan Thị Thanh T, sinh năm: 1976, trú tại: 25 đường P, tổ dân phố Z, phường An L, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1/Bà Trương Thị L, sinh năm 1964; trú tại: Thôn X, xã Phú L, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

2/Ông Trần A, sinh năm 1978; trú tại: Thôn Y, xã Phú L, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

3/Ông Trần Đình P, sinh năm 1947; trú tại: Thôn Y, xã Phú L, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn Đ và Nguyễn Văn T cùng trú tại xã Phú L, huyện Krông N có mối quan hệ bạn bè với nhau. Vào khoảng 19 giờ ngày 24/7/2017 Đ điều khiển xe mô tô biển số 47E1- 216.10 (xe của T mượn mẹ) chở T từ huyện Krông N đi ra thị xã B chơi. Khi đến đoạn đường T thuộc phường An L, thị xã B, Đ nảy sinh ý định cướp giật tài sản của người đi đường để bán lấy tiền tiêu xài nên đã rủ T cùng thực hiện và được T đồng ý. Sau đó Đ điều khiển xe mô tô chở T đi vòng các tuyến đường thuộc khu vực Hoa Viên thị xã B để tìm người đi đường sơ hở trong việc quản lý tài sản sẽ tiếp cận để cướp giật nhưng không phát hiện được ai, nên Đ điều khiển xe đi ra đường H (QL14) theo hướng từ thị xã B đi thành phố T. Khoảng 21 giờ cùng ngày, khi đi đến đoạn đường thuộc Tổ dân phố D, phường Thiện A, thị xã B thì phát hiện chị Nguyễn Phan Minh U, sinh ngày 20/3/2000 trú tại TDP C, phường An L, thị xã B đang đeo 01 giỏ xách trên vai phải chéo xuống hông bên trái và ngồi phía sau xe mô tô do anh Hoàng Đình T điều khiển đang đi phía trước cùng chiều. Nhận thấy có thể giật được chiếc giỏ xách, nên Đ điều khiển xe mô tô áp sát phía bên trái xe mô tô để T ngồi sau dùng tay giật lấy chiếc giỏ xách của chị U. Ngay khi T đã giật được giỏ xách Đ liền tăng ga điều khiển xe bỏ chạy về hướng thành phố T, khi đi đến cây xăng dầu Phương T thuộc phường Thiện A, thị xã B quan sát phía sau thấy không có người đuổi theo thì Đ điều khiển xe quay đầu chạy ngược lại hướng về trung tâm thị xã B rồi rẽ đi theo đường N chạy về xã E, thị xã B. Trên đường đi, Đ dừng xe để T kiểm tra bên trong giỏ xách thấy: 01 điện thoại di động Iphone 5S màu trắng; 01 ví da màu hồng bên trong có số tiền 60.000đ; 03 thỏi son môi đã qua sử dụng; 01 gương soi; 01 chứng minh nhân dân; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 003097; 01 thẻ thư viện; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe máy; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm toàn diện học sinh (tất cả đều mang tên Nguyễn Phan Minh U). Sau đó T cất giữ 01 điện thoại Iphone 5S, số tiền

60.000đ cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 003097; 01 thẻ thư viện; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe máy; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm toàn diện học sinh; số tài sản còn lại là 03 thỏi son môi, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Phan Minh U, 01 ví da màu hồng, cùng túi xách Đ và T vứt bên lề đường, rồi cả hai đi về lại nhà ở xã Phú L, huyện Krông N để ngủ. Sáng ngày 25/7/2017, T điều khiển xe mô tô chở Đ ra trung tâm huyện Krông N tìm bán chiếc điện thoại Iphone 5S nhưng không bán được giá cao, nên T không bán mà đưa cho Đ số tiền 720.000đ xem như là chia phần tài sản đã cướp giật được, còn T giữ lại chiếc điện thoại để sử dụng. Đến ngày 28/7/2017, do hết tiền tiêu xài T đã đem chiếc điện thoại di động Iphone 5S đến cầm cố cho anh Trần A ở thôn Y, xã Phú L, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk, lấy số tiền 1.000.000đ. Toàn bộ số tiền có được từ việc cướp giật tài sản, cả hai đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi sự việc bị Cơ quan Công an phát hiện T và gia đình đã chuộc lại điện thoại Iphone 5S và tự nguyện giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã B.

Vật chứng vụ án Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B, thu giữ gồm: 01 điện thoại di động Iphone 5S màu trắng, số Imei 352087072908909 đã qua sử dụng; 01 sim điện thoại có số ghi trên sim số: 8984 0480 0000 1255 673; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 003097; 01 thẻ thư viện; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe mô tô; 01 giấy chứng minh nhân dân số 241753321; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm toàn diện học sinh (tất cả đều mang tên Nguyễn Phan Minh U) và 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ - đen, biển số 47E1 - 216.10. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc điện thoại Iphone 5S, màu trắng, 16GB, số Imei: 352087072908909 cùng toàn bộ giấy tờ cho chị Uyên và trả cho bà Trương Thị L (mẹ ruột bị cáo T) chiếc xe mô tô 47E1 - 216.10.

Bản kết luận định giá tài sản số: 304 ngày 16/8/2017, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Buôn Hồ, kết luận: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 5S, màu trắng, 16GB, số Imei: 352087072908909 có giá trị là 2.900.000đ (Hai triệu chín trăm ngàn đồng).

Còn 01 túi xách màu xanh tím, 01 ví da màu hồng, 03 cây son môi, 01 gương soi nhỏ do không thu giữ được và quá trình điều tra không xác định được nguồn gốc, xuất xứ, chất liệu cũng như chất lượng nên Hội đồng định giá không xác định được giá trị và quá trình điều tra chị Nguyễn Phan Minh U cũng không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường những tài sản trên, cũng như số tiền 60.000đ.

Bản cáo trạng số 60/KSĐT-HS, ngày 27/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B đã truy tố các bị cáo Trần Văn Đ và Nguyễn Văn T về tội “*Cướp giật tài sản*”, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B giữ quyền công tố trình bày luận tội, tranh luận xác định: Do ý thức xem thường pháp luật Nhà nước, xem thường tài sản của người khác, do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định

truy tố đối với các bị cáo Trần Văn Đ và Nguyễn Văn T về tội “*Cướp giật tài sản*”, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự; và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ từ 3 năm 6 tháng đến 4 năm tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 3 năm đến 3 năm 6 tháng tù.

Về các biện pháp tư pháp:

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã trả lại cho chị Nguyễn Phan Minh U 01 điện thoại di động Iphone 5S màu trắng, số Imei 352087072908909 đã qua sử dụng, 01 sim điện thoại có ghi trên sim số 8984 0480 0000 1255 673, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 003097, 01 thẻ thư viện, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe mô tô, 01 giấy chứng minh nhân dân số 241753321, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm toàn diện học sinh (tất cả đều mang tên Nguyễn Phan Minh U) và trả lại cho bà Trương Thị L là chủ sở hữu hợp pháp 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ - đen, biển số 47E1 - 216.10.

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 720.000đ của bị cáo Trần Văn Đ, đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có.

Trong vụ án này có anh Trần A, là người nhận cầm cố chiếc điện thoại Iphone 5S của bị cáo Nguyễn Văn T để vay 1.000.000đ, nhưng anh A không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ và sau khi bị phát hiện bị cáo T và gia đình đã chuộc lại chiếc điện thoại trên giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa các bị cáo Trần Văn Đ, Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố và kết luận bị cáo phạm tội “*Cướp giật tài sản*” là đúng, các bị cáo không tranh luận gì với Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của người bị hại thừa nhận lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn Đ, Nguyễn Văn T khai nhận: Do ý thức xem thường pháp luật nhà nước, xem thường quyền sở hữu tài sản của người khác, nên vào khoảng 21 giờ ngày 24/7/2017 khi đi đến đoạn đường thuộc tổ dân phố D, phường Thiện A, thị xã B, Đ điều khiển xe mô tô áp sát phía bên trái xe mô tô do anh T đang điều khiển chở chị U để T ngồi sau dùng tay giật lấy chiếc giỏ xách của chị U và lấy các tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị U, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an ở địa phương nên Viện kiểm sát truy tố và kết luận các bị cáo phạm tội “Cướp giật tài sản” là đúng, các bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của các bị cáo Trần Văn Đ, Nguyễn Văn T đã phạm tội “Cướp giật tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự quy định :

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm:

...

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;

...”

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo: Xét thấy các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi để các bị cáo biết được rằng tài sản hợp pháp của con người được pháp luật hình sự bảo vệ, mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến tài sản của người khác đều bị pháp luật nghiêm trị, song do ý thức coi thường pháp luật, coi thường tài sản của người khác nên các bị cáo đã thực hiện hành vi trên vào khoảng 21 giờ ngày 24/7/2017, tại đoạn đường thuộc tổ dân phố D, phường Thiện

A, thị xã B và lấy các tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị U. Vì vậy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục răn đe và phòng ngừa tội phạm trong toàn xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trần Văn Đ, Nguyễn Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét về nhân thân các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, người bị hại làm đơn bãi nại cho các bị cáo đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự, ngoài ra sau khi phạm tội bị cáo T đã tác động gia đình khắc phục hậu quả nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, vì vậy khi quyết định hình phạt cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

[6] Với tính chất vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo với đời sống xã hội một thời gian nhất định là tương xứng với tính chất, hành vi các bị cáo thực hiện nhằm cải tạo, giáo dục, phòng ngừa tội phạm chung và riêng trong toàn xã hội. Tuy nhiên trong vụ án này có nhiều bị cáo tham gia, vai trò thực hiện hành vi phạm tội khác nhau, do đó cần áp dụng các hình phạt khác nhau đối với các bị cáo cho phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Trần Văn Đ là người khởi xướng, bị cáo Nguyễn Văn T là người thực hành vì vậy cần phân hóa vai trò của từng bị cáo cho phù hợp với hành vi mà các bị cáo thực hiện. Vì vậy mức hình phạt đối với bị cáo Đ là cao hơn so với bị cáo T là phù hợp.

[7] Các biện pháp tư pháp:

- Đối với 01 điện thoại di động Iphone 5S màu trắng, số Imei 352087072908909 đã qua sử dụng, 01 sim điện thoại có ghi trên sim số 8984 0480 0000 1255 673, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 003097, 01 thẻ thư viện, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe mô tô, 01 giấy chứng minh nhân dân số 241753321, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm toàn diện học sinh (tất cả đều mang tên Nguyễn Phan Minh U) Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã trả cho chị Nguyễn Phan Minh U theo quyết định xử lý vật chứng số 35 ngày 18/8/2017 và trả lại cho bà Trương Thị L 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ - đen, biển số 47E1 - 216.10 theo quyết định xử lý vật chứng số 39 ngày 14/9/2017 là các chủ sở hữu hợp pháp và phù hợp với khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với số tiền 720.000đ của bị cáo Trần Văn Đ đây là số tiền do phạm tội mà có vì vậy cần truy thu sung công Nhà nước là phù hợp với điểm b khoản 1 Điều

41 Bộ luật hình sự và điểm c khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong vụ án này có anh Trần A, là người nhận cầm cố chiếc điện thoại Iphone 5S của bị cáo Nguyễn Văn T để vay 1.000.000đ, nhưng anh A không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ và sau khi bị phát hiện bị cáo T và gia đình đã chuộc lại chiếc điện thoại trên giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B nên không đặt ra xem xét giải quyết là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn Đ, Nguyễn Văn T phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn Đ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 29/7/2017.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T 03 (ba) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 29/7/2017.

Các biện pháp tư pháp:

- Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm b, c khoản 2, khoản 3 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự .

- Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã trả lại: 01 điện thoại di động Iphone 5S màu trắng, số Imei 352087072908909, 01 sim điện thoại có ghi trên sim số 8984 0480 0000 1255 673, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 003097, 01 thẻ thư viện, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe mô tô, 01 giấy chứng minh nhân dân số 241753321, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm toàn diện học sinh (tất cả đều mang tên Nguyễn Phan Minh U) cho chị Nguyễn Phan Minh U và trả cho bà Trương Thị L 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ - đen, biển số 47E1 - 216.10 là các chủ sở hữu hợp pháp.

- Truy thu sung công Nhà nước đối với số tiền 720.000đ của bị cáo Trần Văn Đ, đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có.

Về án phí: *Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.*

Các bị cáo Trần Văn Đ, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã B;
- Công an thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã Buôn Hồ;
- Cơ quan THA hình sự công an TX Buôn Hồ;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu HS, Vp

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tùng Lâm